

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hạnh;

Ông Vương Văn Bi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 qgiữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh năm 1988; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Cao Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và ông Cao Minh T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm. Được sự đồng ý của gia đình 2 bên, bà với ông T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống

ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Ngọc Bảo N, sinh ngày 10/10/2012 và Cao Minh P, sinh ngày 22/6/2014. Sau ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Minh T trình bày tại bản tự khai ngày 19/6/2024 và Biên bản hòa giải ngày 19/6/2024 như sau: Ông T và bà Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn, ông T với bà Đ sống tại xã T, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ tháng 8/2023. Ông không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn để xây dựng gia đình, nuôi dưỡng con cái. Ông với bà Đ có 02 con chung là Cao Ngọc Bảo N, sinh ngày 10/10/2012 và Cao Minh P, sinh ngày 22/6/2014. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà Đ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8/2023 đến nay, hiện cũng không còn chung sống với nhau. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Con chung hiện do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng; ông T đồng ý giao con chung cho bà Đ, bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông T tự nguyện quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2012 ngày 28/5/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Bà Đ đề nghị được ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hiện đã ly thân nhưng không đồng ý ly hôn, mà cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Hiện vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì hôn nhân trong tình trạng này còn có thể ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con. Do đó, việc bà Đ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Cao Ngọc Bảo N, sinh ngày 10/10/2012 và Cao Minh P, sinh ngày 22/6/2014. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Từ khi bà Đ và ông T không còn chung sống, bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T không chu cấp cho bà nuôi con từ khi hai vợ chồng sống ly thân. Việc giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc Đ với bị đơn ông Cao Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ được ly hôn với ông Cao Minh T.

- Về con chung: Giao con chung Cao Ngọc Bảo N, sinh ngày 10/10/2012 và Cao Minh P, sinh ngày 22/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Trúc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Cao Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Trúc Đ và ông Cao Minh T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003791 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế